

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	7 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	12 - 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	14 - 67

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty IDICO - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

TỔNG CÔNG TY

Tổng công ty IDICO - CTCP (gọi tắt là "IDICO") tiền thân là Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam được chuyển đổi thành Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp: 0302177966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/6/2010 với vốn điều lệ là 1.602.219.000.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - CTCP với vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ Việt Nam đồng), được chia thành 300.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/5/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty được đổi tên thành Tổng công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/5/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật thông tin từ phường 6 sang phường Võ Thị Sáu và cập nhật mã ngành nghề đăng ký kinh doanh vào hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/4/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật số căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/8/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật địa chỉ và vốn điều lệ của Tổng công ty từ 3.000.000.000.000 VND lên 3.299.999.290.000 VND (Ba nghìn hai trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn Việt Nam đồng), được chia thành 329.999.929 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Tổng công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IDICO CORPORATION - JSC.

Tên Tổng công ty viết tắt là: IDICO.

Cổ phiếu Tổng công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: IDC.

Trụ sở chính của IDICO tại: 151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Bá Thọ	Chủ tịch (Thôi giữ chức từ ngày 19/4/2022)
Bà Nguyễn Thị Như Mai	Chủ tịch (Bầu bổ sung từ ngày 19/4/2022)
Ông Đặng Chính Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Cao Nguyên	Thành viên
Ông Tôn Thất Anh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Duy	Thành viên

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban kiểm soát

Ông Hoàng Văn Hiến	Trưởng ban
Ông Đào Hữu Thắng	Thành viên
Bà Trần Thanh Linh	Thành viên (Thôi giữ chức từ ngày 19/4/2022)
Ông Võ Tấn Dũng	Thành viên (Bầu bổ sung từ ngày 19/4/2022)

Ban Tổng giám đốc

Ông Đặng Chính Trung	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Hải	Phó Tổng giám đốc
Ông Phan Văn Chung	Phó Tổng giám đốc (Thôi giữ chức từ ngày 15/4/2022)
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng giám đốc
Ông Phan Văn Chính	Phó Tổng giám đốc

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 30/6/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc, 



Đặng Chính Trung

Tổng giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2022

Số: 145/2022/BCSXHN-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc
Tổng công ty IDICO - CTCP

Chúng tôi thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng công ty IDICO - CTCP được lập ngày 27/8/2022, từ trang 07 đến trang 67, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 30/6/2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Bùi Thị Thúy**Phó Tổng giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT***Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2022*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.336.934.486.192	4.034.909.801.433
(100 = 110+120+130+140+150)				
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	511.986.739.242	495.132.028.862
1. Tiền	111		231.452.597.630	311.611.140.956
2. Các khoản tương đương tiền	112		280.534.141.612	183.520.887.906
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.860.052.559.403	2.168.645.803.619
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	-	123.341.238.230
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	1.860.052.559.403	2.045.304.565.389
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.316.091.641.682	762.588.919.188
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.6	605.196.566.342	443.688.041.071
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.7	175.504.154.677	170.987.250.291
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.8	561.489.912.929	175.963.959.552
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.9	(28.664.649.225)	(30.615.988.685)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.10	2.565.656.959	2.565.656.959
IV- Hàng tồn kho	140	5.11	556.667.776.537	549.370.891.448
1. Hàng tồn kho	141		556.894.988.240	549.598.103.151
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(227.211.703)	(227.211.703)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		92.135.769.328	59.172.158.316
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.16	74.102.857.577	1.755.605.298
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.213.330.454	57.368.821.512
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.19	819.581.297	47.731.506
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.914.217.974.229	12.040.925.336.401
(200 = 210+220+230+240+250+260)				
I Các khoản phải thu dài hạn	210		562.958.559.410	563.361.605.698
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.6	15.291.191.077	15.211.617.956
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		528.040.011	528.040.011
3. Phải thu dài hạn khác	216	5.8	547.467.396.784	547.979.807.793
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.9	(328.068.462)	(357.860.062)
II Tài sản cố định	220		5.190.914.142.697	5.820.587.285.413
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.12	3.576.637.196.655	3.831.703.051.813
- Nguyên giá	222		7.584.318.699.541	7.643.910.915.114
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.007.681.502.886)	(3.812.207.863.301)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.13	1.614.276.946.042	1.988.884.233.600
- Nguyên giá	228		2.548.150.024.298	2.524.208.093.405
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(933.873.078.256)	(535.323.859.805)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.14	111.009.333.985	114.285.104.835
1. Nguyên giá	231		158.596.007.375	158.596.007.375
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(47.586.673.390)	(44.310.902.540)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.235.680.975.470	4.607.534.217.904
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.15	5.235.680.975.470	4.607.534.217.904

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2022	01/01/2022
			VND	VND
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		333.803.663.865	278.331.600.412
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.4	91.760.463.549	81.288.400.096
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.5	144.845.659.784	99.845.659.784
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.5	(2.802.459.468)	(2.802.459.468)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.5	100.000.000.000	100.000.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		479.851.298.802	656.825.522.139
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.16	458.200.186.898	632.062.734.348
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.17	9.695.672.038	9.695.672.038
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		10.100.910.841	10.121.361.277
4. Lợi thế thương mại	269	5.18	1.854.529.025	4.945.754.476
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		16.251.152.460.421	16.075.835.137.834

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2022	01/01/2022
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		9.690.864.717.856	11.047.798.602.930
I- Nợ ngắn hạn	310		1.827.124.996.876	2.449.522.841.232
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.20	278.157.416.925	300.426.081.402
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.21	138.381.211.008	55.260.171.305
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.19	449.505.936.457	104.939.172.672
4. Phải trả người lao động	314		20.428.338.862	30.250.599.398
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.22	43.332.232.360	33.642.666.828
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.25	204.992.042.945	204.305.841.413
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.23	174.335.724.204	246.768.425.868
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.24	492.306.468.781	1.447.732.373.621
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.27	1.778.922.726	1.778.922.726
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		23.906.702.608	24.418.585.999
II- Nợ dài hạn	330		7.863.739.720.980	8.598.275.761.698
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.21	147.585.452.581	155.481.224.376
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.22	-	213.372.272
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.25	4.523.147.330.279	6.048.082.495.026
4. Phải trả dài hạn khác	337	5.23	84.476.360.698	84.895.453.749
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.24	2.850.782.219.983	2.084.649.567.594
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.26	31.613.839.392	32.160.953.999
7. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.27	226.134.518.047	192.792.694.682
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.560.287.742.565	5.028.036.534.904
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.28	6.560.287.742.565	5.028.036.534.904
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.299.999.290.000	3.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.299.999.290.000	3.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		41.896.821.747	41.896.673.847
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		26.031.841.984	28.248.519.183
4. Cổ phiếu quỹ	415		-	(25.500)
5. Chênh lệch đánh giá tài sản	416		(42.360.582.551)	(42.360.582.551)
6. Quỹ đầu tư phát triển	418		184.631.683.028	185.788.109.738
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.874.014.078.743	686.094.520.126
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước	421a		192.237.297.706	231.786.449.987
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.681.776.781.037	454.308.070.139
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5.29	1.176.074.609.614	1.128.369.320.061
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		16.251.152.460.421	16.075.835.137.834
(440 = 300+400)				

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Đức Tiên

Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc

Tổng giám đốc



Đặng Chính Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	4.981.378.550.040	2.319.087.366.482
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	84.601.832	9.667.734.445
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	4.981.293.948.208	2.309.419.632.037
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.703.951.059.271	1.943.129.850.658
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		2.277.342.888.937	366.289.781.379
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	74.184.910.894	297.486.602.743
7. Chi phí tài chính	22	6.4	72.238.839.977	87.783.373.209
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		71.694.060.967	87.756.037.305
8. Phần Lãi/(Lỗ) trong công ty liên kết	24	6.5	14.348.157.332	2.999.387.960
9. Chi phí bán hàng	25	6.6	33.978.112.984	39.490.981.575
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	93.234.375.880	92.032.610.170
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		2.166.424.628.322	447.468.807.128
12. Thu nhập khác	31	6.8	23.312.993.459	2.461.502.310
13. Chi phí khác	32	6.8	2.403.403.888	6.099.034.521
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.8	20.909.589.571	(3.637.532.211)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2.187.334.217.893	443.831.274.917
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	436.889.101.287	100.982.707.108
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(547.114.607)	108.152.092
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.750.992.231.213	342.740.415.717
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.681.776.781.037	285.159.016.047
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		69.215.450.176	57.581.399.670
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	5.603	932

Người lập biểu


Nguyễn Đức Tiên

Kế toán trưởng


Trần Thị Ngọc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2022

Tổng giám đốc


Đặng Chính Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.187.334.217.893	443.831.274.917
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí phân bổ	02		700.492.518.171	207.603.176.920
- Các khoản dự phòng	03		31.360.692.305	13.237.610.340
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		84.192.632	35.448.469
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(31.623.536.253)	(297.547.725.617)
- Chi phí lãi vay	06		71.694.060.967	87.756.037.305
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		2.959.342.145.715	454.915.822.334
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(524.304.558.879)	5.883.214.002
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.276.434.653)	(60.816.682.867)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.559.573.618.706)	515.914.096.616
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		101.515.295.171	(93.629.752.217)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		123.341.238.230	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(69.601.547.780)	(88.798.779.455)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(97.099.415.922)	(73.920.301.515)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(15.243.410.972)	(20.194.599.955)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		911.099.692.204	639.353.016.943
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(738.327.725.339)	(401.827.043.694)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.345.592.468	2.313.236.423
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(412.747.994.014)	(1.104.572.777.099)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		598.000.000.000	200.957.057.386
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(45.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	268.941.808.838
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		74.647.100.759	292.643.646.695
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(520.083.026.126)	(741.544.071.451)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các VCSH, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	16.936.070.477
2. Tiền thu từ đi vay	33		2.258.869.987.939	586.624.609.872
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.448.163.240.390)	(643.128.932.175)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(184.784.510.615)	(47.162.247.434)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(374.077.763.066)	(86.730.499.260)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		16.938.903.012	(188.921.553.768)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	495.132.028.862	726.542.767.957
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(84.192.632)	(35.448.469)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	511.986.739.242	537.585.765.720

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Đức Tiến

Kế toán trưởng



Trần Thị Ngọc

Tổng giám đốc



Đặng Chính Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty IDICO - CTCP tiền thân là Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam được chuyển đổi thành Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp: 0302177966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/6/2010 với vốn điều lệ là 1.602.219.000.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - CTCP với vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ Việt Nam đồng), được chia thành 300.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/5/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty được đổi tên thành Tổng công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/5/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật thông tin từ phường 6 sang phường Võ Thị Sáu và cập nhật mã ngành nghề đăng ký kinh doanh vào hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/4/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật số căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/8/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật địa chỉ và vốn điều lệ của Tổng công ty từ 3.000.000.000.000 VND lên 3.299.999.290.000 VND (Ba nghìn hai trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn Việt Nam đồng), được chia thành 329.999.929 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Tổng công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IDICO CORPORATION - JSC.

Tên Tổng công ty viết tắt là: IDICO.

Cổ phiếu Tổng công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: IDC.

Trụ sở chính của IDICO tại: 151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động của Tổng công ty và các công ty con tại ngày 30/6/2022 là 1.396 người (tại ngày 31/12/2021: 1.450 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Tổng công ty IDICO - CTCP kinh doanh đúng theo các ngành nghề đã đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính trong kỳ: Đầu tư xây dựng, kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp và sản xuất kinh doanh điện.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty là 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3 tạm ngừng vận hành đến ngày 30/9/2022 theo Thông báo số 103/TCT-BQLDA ngày 11/02/2022 của Tổng công ty IDICO.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

1.5 Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 30/6/2022, Tổng công ty có các công ty con, công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

	Tên công ty	Tên công ty viết tắt	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
A.	A. Các công ty con						
1	Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO	IDICO - URBIZ	Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiển, H.Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng KCN và xây lắp	100,00%	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH MTV dịch vụ KCN IDICO	IDICO - ISC	Số 48, khu phố 3, phường An Hòa, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Xây lắp, đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	IDICO - UDICO	Đường số 4, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiển, H.Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh điện và xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%
4	Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	IDICO - SHP	Thôn 7, xã Long Bình, H.Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.	Sản xuất kinh doanh điện và nước sạch	51,66%	51,66%	51,66%
5	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	IDICO - IDI	Km 1906+700, Quốc lộ 1A, KP 5, phường Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, Tp.HCM	BOT giao thông, xây lắp	59,68%	59,68%	59,68%
6	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	IDICO - LINCO	Số 88, quốc lộ 1 (tuyến tránh), phường 6, Tp. Tân An, tỉnh Long An.	Đầu tư, kinh doanh bất động sản và xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%
7	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	IDICO - CONAC	Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng KCN và xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%
8	Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	IDICO - INCON	Số 100, đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, Q.Bình Thạnh, Tp. HCM	Tư vấn đầu tư xây dựng	70,40%	70,40%	70,40%
9	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	IDICO - MCI	KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiển, H. Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	81,94%	81,94%	81,94%
10	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	IDICO - INCO 10	Số 43A, đường 3/2, phường Xuân Khánh, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ	Xây lắp	97,78%	97,78%	97,78%

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

1.5 Cấu trúc Tổng công ty (Tiếp theo)

	Tên công ty	Tên công ty viết tắt	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
11	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quê Võ IDICO	IDICO - QUE VO	Tầng 13, Tòa nhà HH3, Đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, Q.Nam Từ Liêm, Tp.Hà Nội	Kinh doanh hạ tầng KCN	54,94%	54,94%	54,94%
12	Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	IDICO - TCC	Số 304, đường Trần Hưng Đạo, Tp.Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Xây lắp	95,19%	95,19%	95,19%
13	Công ty Cổ phần IDICO Tiền Giang	IDICO - ITC	Số 138 Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.	Kinh doanh hạ tầng KCN	65,00%	65,00%	65,00%
B. Các công ty liên doanh, liên kết							
1	Công ty cổ phần Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	BVEC	Km 11, quốc lộ 51, xã Tam Phước, Tp.Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai	BOT giao thông và vật liệu xây dựng	49,00%	49,00%	49,00%
2	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	LAMA IDICO	Km 23, QL 51, Ấp 1, xã Long An, H.Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Gia công cơ khí và lắp đặt thiết bị	30,13%	20,13%	30,13%
3	Công ty cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng	SONG HONG 1, JSC	Số 72, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Hà Nội	Thi công các công trình dân dụng và kinh doanh dự án	34,85%	34,85%	34,85%
C. Các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty IDICO -CTCP							
1	Chi nhánh IDICO - Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3	IDICO - DAK MI 3	133 Phạm Văn Đồng, thị trấn Khâm Đức, H.Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.	Quản lý vận hành Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3			
2	Chi nhánh IDICO tại Hà Nội	IDICO - HA NOI	Tầng 13 - Tòa nhà SUDICO, Đường Mễ Trì- Mỹ Đình, phường Mỹ Đình I, Q.Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Xây lắp công trình dân dụng			
3	Chi nhánh IDICO tại Miền Đông	IDICO - IEB	Tầng 3 tòa nhà IDICO-URBIZ, KCN Nhơn Trạch 1, Xã Hiệp Phước, H.Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	Quản lý hạ tầng Khu công nghiệp			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tổng công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính ban hành, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được hợp nhất từ Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ hoặc Báo cáo tài chính của các Công ty do Tổng công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hoặc Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty con trong cùng Tổng công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần từng Công ty con khi hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu thuộc cổ đông không kiểm soát của Tổng công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của các Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Nguyên tắc kế toán các loại tỷ giá hối đoái áp dụng**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 30/6/2022.

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...).

(ii) Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 30/6/2022.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc kế toán tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng công ty vào phần tài sản thuần của các công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của các công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình đã được đánh giá lại theo phương pháp tài sản để Xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm 31/12/2014. Theo đó, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kể từ ngày 01/3/2018 (Tổng công ty IDICO chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần), giá trị khấu hao của tài sản cố định trong kỳ được tính bằng giá trị còn lại của tài sản tại ngày 01/3/2018 chia cho thời gian khấu hao còn lại của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	08 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	08 - 10
Hệ thống đường, thoát nước Khu công nghiệp	05 - 20

Đối với những tài sản cố định hữu hình liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và giá vốn một lần Tổng công ty sẽ phân bổ hết chi phí khấu hao tương ứng với diện tích cho thuê lại đất theo hợp đồng nhận tiền trước một lần đủ điều kiện ghi nhận 1 lần. Giá trị tài sản cố định còn lại Tổng công ty sẽ phân bổ tương ứng với thời gian cho thuê đất còn lại đối với phần diện tích cho thuê lại đất nhận tiền hàng năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3: Thời gian bắt đầu tính khấu hao từ thời điểm phát điện thương mại theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP ngày 25/8/2017 của Chính phủ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất, chi phí san nền, đền bù và giải phóng mặt bằng của Khu công nghiệp Mỹ Xuân A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5, Khu công nghiệp Phú Mỹ 2, Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, Khu công nghiệp Kim Hoa, Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1, Khu công nghiệp Quế Võ 2, Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3, Khu công nghiệp Cầu Nghìn. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo thời gian được giao, thuê đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Đối với những tài sản cố định vô hình liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và giá vốn một lần Tổng công ty sẽ phân bổ hết chi phí khấu hao tương ứng với diện tích cho thuê lại đất theo hợp đồng nhận tiền trước một lần đủ điều kiện ghi nhận 1 lần. Giá trị tài sản cố định còn lại Tổng công ty sẽ phân bổ tương ứng với thời gian cho thuê đất còn lại đối với phần diện tích cho thuê lại đất nhận tiền hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là nhà cửa vật kiến trúc do IDICO - UDICO và IDICO - URBIZ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, cụ thể:

Bất động sản đầu tư của IDICO - UDICO tại ngày 30/6/2022 gồm Chung cư 5 tầng Hiệp Phước số 01 và Chung cư 5 tầng Hiệp Phước số 02 tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, được IDICO - UDICO sử dụng để cho công nhân và cán bộ nhân viên trong khu công nghiệp thuê.

Bất động sản đầu tư của IDICO - URBIZ tại ngày 30/6/2022 gồm Chung cư T1, T2, T3 và T4 - Công trình Khu nhà ở Công nhân tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, được IDICO - URBIZ sử dụng để cho công nhân và cán bộ nhân viên trong khu công nghiệp thuê.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính để khấu hao là 10 năm.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng công ty bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất tại các khu công nghiệp:

Tiền thuê đất trả trước tại các khu công nghiệp phản ánh tiền thuê đất trả trước cho Nhà nước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

+ Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 (tỉnh Đồng Nai) đã được phân bổ vào kết quả kinh doanh phù hợp với ghi nhận doanh thu một lần trong kỳ.

+ Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) sẽ được phân bổ từ năm 2034-2055; là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần đối với diện tích đất đã cho thuê lại, thu tiền một lần theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2016. Tại ngày 30/6/2022, Tổng công ty đang trong giai đoạn đầu tư và được miễn tiền thuê đất nên Tổng công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)*****Tiền thuê đất tại các khu công nghiệp (tiếp theo):***

+ Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh (tỉnh Long An) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ từ ngày 08/8/2034 đến ngày 06/8/2069. Tại ngày 30/6/2022, Tổng công ty đang trong giai đoạn đầu tư và được miễn tiền thuê đất nên Tổng công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

+ Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Kim Hoa (tỉnh Vĩnh Phúc) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ từ năm 2003-2053. Tại ngày 30/6/2022, IDICO - URBIZ đang tiếp tục phân bổ theo thời hạn thuê đất của Khu công nghiệp này.

+ Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 (tỉnh Đồng Nai) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ từ năm 1998-2048. Tại ngày 30/6/2022, IDICO - URBIZ đang tiếp tục phân bổ theo thời hạn thuê đất của Khu công nghiệp này.

+ Tiền trả trước tại Khu công nghiệp Quế Võ 2 (tỉnh Bắc Ninh) là giá trị tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng sẽ được trừ vào tiền thuê đất phải nộp theo biên bản làm việc ngày 29/10/2014 của IDICO - QUEVO với Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh về việc xác định các khoản được trừ về tiền bồi thường giải phóng mặt bằng vào số tiền thuê đất phải nộp. Tại ngày 30/6/2022, IDICO - QUEVO đang trong giai đoạn được miễn tiền thuê đất nên Công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng và công cụ dụng cụ phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ, giá trị công cụ dụng cụ đã phân bổ 100% được đánh giá lại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Giá trị lợi thế tiềm năng phát triển và giá trị thương hiệu

Giá trị lợi thế tiềm năng phát triển và giá trị thương hiệu của Công ty mẹ - Tổng công ty IDICO; IDICO - URBIZ và IDICO - ISC được ghi nhận theo số liệu Biên bản Điều chỉnh kết quả Thẩm tra Xác định giá trị doanh nghiệp theo Phương pháp tài sản của Tổng công ty tại thời điểm 0h ngày 01/01/2015 của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đã ký ngày 29/9/2016. Giá trị lợi thế tiềm năng phát triển và giá trị thương hiệu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm và bắt đầu phân bổ vào thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần (ngày 01/3/2018). Tại ngày 30/6/2022, Tổng công ty đã phân bổ hết giá trị này vào chi phí.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn đến quan hệ công ty mẹ - công ty con được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 5 đến 10 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng công ty và người bán (là đơn vị độc lập bao gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Tổng công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay hợp nhất cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022, có 35.228.936.957 VND (cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021: 29.901.788.729 VND) chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Tổng công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay liên quan đến Nhà máy thủy điện Đak Mi 3, các khu công nghiệp;
- Chi phí thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng từ doanh thu tiền điện;
- Chi phí Nhà máy xử lý nước thải Phú Mỹ 2;
- Các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê cơ sở hạ tầng); không bao gồm: Tiền nhận trước của người mua mà Tổng công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**Doanh thu hạ tầng Khu công nghiệp:**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê cơ sở hạ tầng); không bao gồm: Tiền nhận trước của người mua mà Tổng công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu kinh doanh điện

Doanh thu từ việc cho thuê hạ tầng trong các Khu công nghiệp được ghi nhận trên cơ sở bàn giao hạ tầng cho bên thuê được bên thuê chấp thuận thanh toán theo phương pháp đường thẳng hay ghi nhận một lần phù hợp với điều kiện để ghi nhận doanh thu hàng năm hay ghi nhận doanh thu một lần theo quy định tại Mục 1.6.12, Điều 79, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Đối với Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO: Doanh thu được xác định và ghi nhận dựa vào bảng kê sản lượng điện hợp đồng theo từng giờ, từng ngày và giá bán theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012/HĐ-NMĐ-SROK PHU MIÊNG ký ngày 12/6/2012 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 06 Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng giữa Công ty Mua bán điện và Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

Đối với Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO: Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện (xác định theo chỉ số trên công tơ điện) và giá bán điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản:

- a) Đối với các công trình, hạng mục công trình mà các Công ty con là chủ đầu tư. Các Công ty con ghi nhận doanh thu bán bất động sản phải đảm bảo thoả mãn đồng thời 5 điều kiện sau:
- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, các Công ty con đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
 - Các công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

b) Các Công ty con ghi nhận doanh thu đối với nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất

Doanh thu cho thuê bất động sản:

Doanh thu cho thuê bất động sản được xác định và ghi nhận trên hợp đồng đã ký với bên cho thuê và giá bán được căn cứ vào hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động đường bộ:

Doanh từ hoạt động thu phí sử dụng đường bộ được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ thu phí (thu tiền từ khách hàng).

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận:

Tổng công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Tổng công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ lập báo cáo.

Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động ...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đơn vị khác.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Hoạt động kinh doanh tại Nhà máy thủy điện Đak Mi 3 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (2017-2031). Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3717743015 ngày 23/8/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh Nhà máy thủy điện Đak Mi 3 được miễn bốn năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2017 - 2020) và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo (2021 - 2029).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp theo)**

- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tiền thuê đất tại các khu công nghiệp:

(i) Khu công nghiệp Mỹ Xuân A: Miễn tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8751/BKH-PTDN ngày 19/12/2005 của Bộ Kế hoạch và đầu tư (từ năm 2009 đến năm 2054).

(ii) Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5: Theo Quyết định số 10122/QĐ-CT ngày 17/12/2014 của Cục thuế Đồng Nai và Quyết định số 10123/QĐ-CT ngày 17/12/2014 của Cục thuế Đồng Nai, được miễn tiền thuê đất:

+ Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản (từ năm 2004 đến năm 2010) và được miễn tiền thuê đất 11 năm theo ưu đãi đầu tư kể từ ngày dự án đi vào hoạt động (từ năm 2011 đến năm 2021).

+ Đối với diện tích phải nộp tiền thuê đất một lần cho Nhà nước: thực hiện nộp trong kỳ 2017 theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

(iii) Khu công nghiệp Phú Mỹ 2: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49221000174 ngày 20/6/2013:

+ Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản (từ năm 2011 đến năm 2018) và được miễn tiền thuê đất 15 năm kể từ ngày dự án đi vào hoạt động (từ năm 2019 đến năm 2033).

+ Đối với diện tích phải nộp tiền thuê đất một lần cho Nhà nước: Thực hiện nộp trong kỳ 2017 (một phần) theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước và nộp phần còn lại (năm 2019) theo Thông báo của Chi cục thuế Thị xã Phú Mỹ.

(iv) Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng: Theo Quyết định số 1688/QĐ-CT ngày 09/3/2022 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc miễn tiền thuê đất cho Tổng công ty IDICO - CTCP: Miễn tiền thuê đất phải nộp trong thời gian 18 năm, từ ngày 18/01/2011 đến ngày 17/10/2029 đối với Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 29/3/2011 và số 2969/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc cho thuê đất, hợp đồng thuê đất số 45/HĐTD ngày 07/11/2011 và số 51/HĐTD ngày 19/11/2018.

(v) Khu công nghiệp Hựu Thạnh: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6567676128 ngày 27/9/2018:

+ Miễn tiền thuê đất 15 năm kể từ ngày dự án đi vào hoạt động (từ ngày 06/8/2019 đến ngày 05/8/2034).

+ Đối với diện tích phải nộp tiền thuê đất một lần cho Nhà nước: Thực hiện nộp theo Thông báo số 513/TBHKDCN-CT ngày 23/6/2020 của Cục thuế tỉnh Long An: Lần 1 ngày 17/8/2020 (50%) và lần 2 ngày 23/9/2020 (50%).

(vi) Khu công nghiệp Cầu Nghìn: Theo Quyết định số 563/QĐ-CT ngày 31/3/2021 của Cục thuế tỉnh Thái Bình về việc miễn tiền thuê đất theo ưu đãi đầu tư: Miễn 6 năm 7 tháng (từ tháng 11/2018 đến tháng 05/2025) theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền đất, thuê mặt nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ sau khi trừ đi phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành Tổng công ty.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng Tổng công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh dịch vụ khu công nghiệp, kinh doanh điện năng, thu phí đường bộ, xây lắp, bất động sản và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh vật tư, thiết kế, chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Tổng công ty. Tổng công ty hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	36.306.665.449	35.957.167.946
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	195.145.932.181	275.653.973.010
Các khoản tương đương tiền (i)	280.534.141.612	183.520.887.906
Tổng	511.986.739.242	495.132.028.862

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi tại các ngân hàng có thời hạn không quá 03 tháng với lãi suất bình quân từ 3,4%/năm đến 5,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.2 CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	30/6/2022 (VND)			01/01/2022 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết trên HSX	-	-	-	123.256.491.826	173.733.181.350	-
Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UpCom	-	-	-	84.746.404	52.500.000	-
Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	-	123.341.238.230	173.785.681.350	-

5.3 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/6/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai	125.000.000.000	125.000.000.000	125.000.000.000	125.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đồng Nai	13.332.105.753	13.332.105.753	41.172.423.031	41.172.423.031
Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam -CN Đồng Nai	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN TP.HCM	44.170.841.275	44.170.841.275	38.660.000.000	38.660.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM	155.000.000.000	155.000.000.000	155.000.000.000	155.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Vũng Tàu - PGD Rạch Dừa	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Campuchia- CN Hà Nội	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa Vũng Tàu	427.000.000.000	427.000.000.000	433.000.000.000	433.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Côn Đảo	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bà Rịa Vũng Tàu	30.196.000.000	30.196.000.000	30.196.000.000	30.196.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.3 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (Tiếp theo)

	30/6/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Gia Định	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP.HCM - CN Vũng Tàu	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Long An	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nhà Bè	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Bà Rịa Vũng Tàu	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Vũng Tàu	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - CN Cần Thơ	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Thủ dầu Một	10.000.000.000	10.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vũng Tàu	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam-CN Cần Thơ	24.021.223.334	24.021.223.334	16.226.142.358	16.226.142.358
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Trần Duy Hưng	-	-	260.000.000.000	260.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín - PGD Tân An	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - CN Hà Nội	98.000.000.000	98.000.000.000	-	-
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội	235.782.389.041	235.782.389.041	60.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Tp.HCM	481.500.000.000	481.500.000.000	750.000.000.000	750.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM - CN Hà Nội	35.000.000.000	35.000.000.000	-	-
Tổng	1.860.052.559.403	1.860.052.559.403	2.045.304.565.389	2.045.304.565.389

Đây là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 12 tháng của Tổng công ty và các công ty con tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất bình quân từ 3,0%/năm đến 6,5%/năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.4 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Tại ngày 30/6/2022 (VND)			Tại ngày 01/01/2022 (VND)		
	Giá gốc	Giá theo phương pháp vốn CSH	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá theo phương pháp vốn CSH	Giá trị hợp lý
Công ty CP Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	150.712.000.000	69.491.284.415	(i)	150.712.000.000	57.131.230.462	(i)
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	18.218.017.481	22.269.179.134	(i)	18.218.017.481	24.157.169.634	(i)
Công ty cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng (ii)	14.178.357.303	-	(i)	14.178.357.303	-	(i)
Tổng	183.108.374.784	91.760.463.549		183.108.374.784	81.288.400.096	

(i) Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(ii) SONG HONG 1, JSC vốn chủ sở hữu (Mã 410) đã bị âm vốn nên giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu 0 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.5 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC VÀ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đối tượng đầu tư	30/6/2022 (VND)			01/01/2022 (VND)				
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng		
I. Đầu tư vào đơn vị khác	144.845.659.784		(2.802.459.468)	99.845.659.784		(2.802.459.468)		
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO (i)	1,22%	1,22%	8.393.000.000	9.933.000.000	-	8.393.000.000	20.751.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí Long Sơn (i)	8,54%	8,54%	28.256.416.000	71.297.991.579	-	28.256.416.000	153.997.467.200	-
Trường Đại Học Vinh (ii)	7,17%	7,17%	10.217.858.042	(2.802.459.468)	-	10.217.858.042		(2.802.459.468)
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng đô thị Việt Nam (ii)	8,91%	8,91%	3.119.400.000	-	-	3.119.400.000		-
Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Tổng hợp (ii)	5,00%	5,00%	2.951.688.000	-	-	2.951.688.000		-
Công ty cổ phần Đầu tư Đồng Thuận (ii)	1,63%	1,63%	14.470.722.442	-	-	14.470.722.442		-
Công ty cổ phần BOT Quốc lộ 2 (ii)	14,37%	14,37%	25.573.734.700	-	-	25.573.734.700		-
Công ty cổ phần Khai thác Hạnh Phúc (ii)	7,50%	7,50%	6.750.000.000	-	-	6.750.000.000		-
Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên (ii)	0,00135%	0,00135%	112.840.600	-	-	112.840.600		-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Mỹ Xuân (ii)	15,00%	15,00%	45.000.000.000	-	-	-		-
II. Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn	100.000.000.000					100.000.000.000		
Công ty cổ phần phát triển KCN và Đô thị Thủ Thừa IDICO-CONAC (iii)			100.000.000.000			100.000.000.000		
Tổng			244.845.659.784		(2.802.459.468)	99.845.659.784		(2.802.459.468)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.5 ĐẦU TƯ GÓP VÀO ĐƠN VỊ KHÁC VÀ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (Tiếp theo)

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 30/6/2022 được trình bày:

(i) Tổng công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và số lượng cổ phiếu mà Tổng công ty đang nắm giữ.

(ii) Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(iii) Văn bản số 21/CT-HĐQT ngày 02/6/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Dầu khí IDICO (IDICO-CONAC) về việc chấp thuận cho Công ty mua trái phiếu Công ty Cổ phần Phát triển KCN và đô thị Thủ Thừa IDICO - CONAC như sau: Mã trái phiếu: IDTCH21231; Số lượng trái phiếu: 1.000.000 trái phiếu; Mệnh giá: 100.000 đồng/trái phiếu; Giá trị trái phiếu (theo mệnh giá): 100.000.000.000 đồng; Kỳ hạn trái phiếu: 24 tháng kể từ hành phát hành; Lãi suất trái phiếu: Lãi cố định 10%/năm, Kỳ tính lãi: 03 tháng/lần; Loại hình trái phiếu: là trái phiếu không chuyển đổi và không kèm chứng quyền, có tài sản bảo đảm; Tài sản đảm bảo 1.821.280 cổ phần của IDICO-CONAC do Công ty TNHH Hayat nắm giữ và toàn bộ số cổ phần phát sinh do trả cổ tức liên quan quyền sở hữu 1.821.280 cổ phần trong thời gian thế chấp.

Các giao dịch chủ yếu giữa Tổng công ty và các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 7.1.

5.6 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	605.196.566.342	443.688.041.071
Công ty Mua bán điện	59.630.638.109	70.294.174.130
Công ty CP Điện lạnh Hòa Phát Phú Mỹ	124.151.399.500	-
Các đối tượng còn lại	421.414.528.733	373.393.866.941
b) Phải thu khách hàng dài hạn	15.291.191.077	15.211.617.956
Các khoản phải thu khách hàng dài hạn khác	15.291.191.077	15.211.617.956
Tổng	620.487.757.419	458.899.659.027

Trong đó: phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)

- 150.793.125

5.7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty CP Kiểm định xây dựng An Hòa	19.104.497.482	18.651.110.856
Tổng công ty Cơ điện xây dựng - CTCP	26.171.774.112	26.171.774.112
Các đối tượng còn lại	130.227.883.083	126.164.365.323
Tổng	175.504.154.677	170.987.250.291

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.8 PHẢI THU KHÁC

	30/6/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	561.489.912.929	(4.088.034.527)	175.963.959.552	(4.051.078.937)
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.463.684.880	-	1.635.083.880	-
Tạm ứng	30.815.802.296	(1.106.867.265)	31.706.152.687	(1.072.707.352)
Ký cược, ký quỹ	370.056.008	-	382.656.008	-
Phải thu khác (i)	528.840.369.745	(2.981.167.262)	142.240.066.977	(2.978.371.585)
b) Dài hạn	547.467.396.784	-	547.979.807.793	-
Ký cược, ký quỹ	210.429.470.048	-	210.816.405.351	-
Phải thu Công ty cổ phần Đầu tư Trường Phước (iii)	310.000.000.000	-	310.000.000.000	-
Phải thu khác (ii)	27.037.926.736	-	27.163.402.442	-
Tổng	1.108.957.309.713	(4.088.034.527)	723.943.767.345	(4.051.078.937)

Chi tiết Phải thu khác

	30/6/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn (i)	528.840.369.745	(2.981.167.262)	142.240.066.977	(2.978.371.585)
Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Đức Hòa	24.077.146.024	-	42.497.635.091	-
Lãi dự thu của các ngân hàng	33.430.690.653	-	38.449.245.449	-
Công ty CP LEC GROUP	-	-	23.855.503.001	-
Đối tượng khác	471.332.533.068	(2.981.167.262)	37.437.683.436	(2.978.371.585)
Dài hạn (ii)	27.037.926.736	-	27.163.402.442	-
Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh đồng Nai	6.472.755.000	-	6.472.755.000	-
Tiền bồi thường, giải Phóng mặt bằng mỏ đá Tăng Xi	20.088.889.066	-	20.088.889.066	-
Phải thu dài hạn khác	476.282.670	-	601.758.376	-
Tổng	555.878.296.481	(2.981.167.262)	169.403.469.419	(2.978.371.585)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.8 PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

(iii) IDICO-ITC tham gia góp vốn để xây dựng Hệ sinh thái đồng bộ, chuyên nghiệp khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo Thỏa thuận ghi nhớ hợp tác đầu tư giữa Công ty cổ phần IDICO Tiền Giang và Công ty cổ phần Đầu tư An Phước ký ngày 28/12/2021. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh dự án theo quy định cụ thể tại hợp đồng hợp tác đầu tư chính thức khi các bên thống nhất ký kết.

5.9 NỢ XẤU

	30/6/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Ngắn hạn	33.607.416.239	4.942.767.014	34.927.738.028	4.311.749.343
Công ty TNHH Sản xuất Hammer	3.191.399.755	238.139.270	2.953.260.485	-
Công ty CP thủy điện Đakrinh	7.122.922.361	-	7.122.922.361	-
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Bảo Toàn	-	-	2.060.857.976	-
Công ty TNHH ACOTEC Hoàng Vũ	5.818.912.411	2.236.721.011	5.316.515.494	1.734.324.094
Các đối tượng còn lại	17.474.181.712	2.467.906.733	17.474.181.712	2.577.425.249
b) Dài hạn	3.658.114.732	3.330.046.270	3.658.114.732	3.300.254.670
Công ty cổ phần Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	3.300.254.670	3.300.254.670	3.300.254.670	3.300.254.670
Các đối tượng còn lại	357.860.062	29.791.600	357.860.062	-
Tổng	37.265.530.971	8.272.813.284	38.585.852.760	7.612.004.013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.10 TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

	30/6/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Hàng tồn kho		57.000.000		57.000.000
Tài sản khác		2.508.656.959		2.508.656.959
Tổng		2.565.656.959		2.565.656.959

5.11 HÀNG TỒN KHO

	30/6/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.010.365.080	-	22.317.656.164	-
Công cụ, dụng cụ	512.380.962	(5.600.000)	457.605.160	(5.600.000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	391.049.353.242	-	373.706.881.585	-
Thành phẩm	4.237.038.678	(221.611.703)	3.393.246.936	(221.611.703)
Hàng hóa	1.644.468.976	-	531.674.398	-
Hàng hóa bất động sản	142.441.381.302	-	149.191.038.908	-
Tổng	556.894.988.240	(227.211.703)	549.598.103.151	(227.211.703)



TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.12 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2022	6.124.127.356.320	1.331.773.310.563	150.598.923.436	13.206.366.067	24.204.958.728	7.643.910.915.114
Tăng trong kỳ	59.337.458.509	18.817.634.277	6.764.589.656	106.844.156	1.032.332.959	86.058.859.557
Mua trong kỳ	26.487.974.936	17.607.979.732	6.764.589.656	61.054.156	1.037.804.726	51.959.403.206
Đầu tư XDCB hoàn thành	32.849.483.573	1.209.654.545	-	45.790.000	(5.471.767)	34.099.456.351
Giảm trong kỳ	37.987.216.004	99.780.541.708	7.645.203.006	61.054.156	177.060.256	145.651.075.130
Thanh lý nhượng bán	18.475.523.480	18.390.538.039	6.976.006.993	61.054.156	32.853.093	43.935.975.761
Bản giao thành lập Công ty Con của IDICO - ISC	18.488.368.903	29.264.739.889	669.196.013	-	144.207.163	48.566.511.968
Do được Bảo hiểm bồi thường	-	52.125.263.780	-	-	-	52.125.263.780
Giảm khác	1.023.323.621	-	-	-	-	1.023.323.621
Số dư tại ngày 30/6/2022	6.145.477.598.825	1.250.810.403.132	149.718.310.086	13.252.156.067	25.060.231.431	7.584.318.699.541
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2022	2.816.913.652.331	851.433.955.943	117.260.593.432	8.725.327.364	17.874.334.231	3.812.207.863.301
Tăng trong kỳ	242.259.645.345	47.493.771.142	4.336.723.559	572.816.596	913.346.777	295.576.303.419
Hao mòn TSCĐ từ quỹ phúc lợi	100.221.972	-	-	-	-	100.221.972
Khấu hao trong kỳ	242.159.423.373	47.493.771.142	4.336.723.559	572.816.596	913.346.777	295.476.081.447
Giảm trong kỳ	12.206.378.182	86.173.604.429	1.566.442.350	-	156.238.873	100.102.663.834
Bản giao thành lập Công ty Con của IDICO - ISC	11.772.299.537	20.925.248.109	669.196.012	-	123.385.782	33.490.129.440
Thanh lý nhượng bán	-	13.123.092.540	897.246.338	-	32.853.091	14.053.191.969
Do được Bảo hiểm bồi thường	-	52.125.263.780	-	-	-	52.125.263.780
Giảm khác	434.078.645	-	-	-	-	434.078.645
Số dư tại ngày 30/6/2022	3.046.966.919.494	812.754.122.656	120.030.874.641	9.298.143.960	18.631.442.135	4.007.681.502.886
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại ngày 01/01/2022	3.307.213.703.989	480.339.354.620	33.338.330.004	4.481.038.703	6.330.624.497	3.831.703.051.813
Số dư tại ngày 30/6/2022	3.098.510.679.331	438.056.280.476	29.687.435.445	3.954.012.107	6.428.789.296	3.576.637.196.655

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.12 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/6/2022 là 1.273.579.461.597 VND (tại ngày 31/12/2021 là 1.262.306.761.299 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2022 là 1.317.513.157.220 VND (tại ngày 31/12/2021 là 1.336.852.304.379 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý tại 30/6/2022 là 10.223.928.341 VND (tại ngày 31/12/2021 là 7.904.708.341 VND).

5.13 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2022	2.254.318.433.791	1.495.695.808	268.393.963.806	2.524.208.093.405
Tăng trong kỳ	24.122.108.216	-	-	24.122.108.216
Xây dựng cơ bản hoàn thành	24.122.108.216	-	-	24.122.108.216
Giảm trong kỳ	180.177.323	-	-	180.177.323
Thanh lý nhượng bán	180.177.323	-	-	180.177.323
Số dư tại ngày 30/6/2022	2.278.260.364.684	1.495.695.808	268.393.963.806	2.548.150.024.298
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2022	475.893.789.385	1.784.665.808	57.645.404.612	535.323.859.805
Tăng trong kỳ	395.918.323.513	3.562.000	2.627.332.938	398.549.218.451
Khấu hao trong kỳ	395.918.323.513	3.562.000	2.627.332.938	398.549.218.451
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2022	871.812.112.898	1.788.227.808	60.272.737.550	933.873.078.256
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại ngày 01/01/2022	1.778.424.644.406	(288.970.000)	210.748.559.194	1.988.884.233.600
Số dư tại ngày 30/6/2022	1.406.448.251.786	(292.532.000)	208.121.226.256	1.614.276.946.042

Giá trị còn lại của các tài sản cố định vô hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/6/2022 là 849.911.288.882 VND (tại ngày 31/12/2021 là 1.228.658.275.728 VND).

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.13 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (Tiếp theo)

Stt	Mục đích sử dụng đất	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Nguyên giá (VND)	Thời hạn
1	Trụ sở Tổng công ty IDICO	151 Ter, Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Q3, TP. HCM	358	515.419.200	50 năm
2	Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	3.093.931	53.119.456.086	Đến năm 2052
3	Khu công nghiệp Mỹ Xuân A	Huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	3.582.751	91.786.689.220	Đến năm 2052
4	Nhà máy thủy điện Đak mi 3	Huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam	1.960.484	61.027.495.680	Đến năm 2059
5	Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 và Phú Mỹ 2 mở rộng	Huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	10.214.700	1.400.715.739.625	Đến năm 2058
6	Khu công nghiệp Cầu Nghìn	Huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	440.769,6	51.878.497.009	Đến năm 2068
7	Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1	Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	3.918.700	56.648.720.923	Đến năm 2048
8	Khu công nghiệp Kim Hoa	Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	500.000	36.518.318.431	Đến năm 2053
9	Cửa hàng xăng dầu IDICO - MCI	Xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	510,1	338.905.900	Đến năm 2043
10	Lòng hồ, đường dây thủy điện Srok Phu Miêng	Các huyện Bù Gia Mập, Phú Riềng, Hớn Quản, Lộc Ninh và Bù Đốp tỉnh Bình Phước	16.460.789	211.693.560.591	Đến năm 2057
11	Khu đầu mối thủy điện Srok Phu Miêng	Xã Long Bình, huyện Phú Riềng và xã Thanh An, huyện Hớn Quản tỉnh Bình Phước	753.592	3.005.563.951	Đến năm 2057
12	Trụ sở IDICO - LINCO	Số 88, QL1 (tuyến tránh), phường 6, TP. Tân An, tỉnh Long An	920,5	2.671.039.898	Lâu dài
13	Trụ sở IDICO - CONAC	Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	8.137	51.344.488.700	Lâu dài
14	Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	Huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2.121.607,4	226.997.454	Đến năm 2062
15	Trụ sở IDICO - INCON	Số 100, đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	80,4	2.389.054.000	Lâu dài
16	Khu công nghiệp Quế Võ 2	Xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	1.195.524,1	254.380.418.016	Đến năm 2057
	Tổng		44.252.854	2.278.260.364.684	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Số đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Nguyên giá	158.596.007.375	-	-	158.596.007.375
Nhà chung cư T1, T2, T3 và T4 (i)	142.549.640.402	-	-	142.549.640.402
Chung cư 5 tầng số 1 (ii)	8.538.454.666	-	-	8.538.454.666
Chung cư 5 tầng số 2 (ii)	7.507.912.307	-	-	7.507.912.307
Giá trị hao mòn lũy kế	44.310.902.540	3.275.770.850	-	47.586.673.390
Nhà chung cư T1, T2, T3 và T4 (i)	33.316.677.784	2.836.241.804	-	36.152.919.588
Chung cư 5 tầng số 1 (ii)	5.807.754.617	237.566.944	-	6.045.321.561
Chung cư 5 tầng số 2 (ii)	5.186.470.139	201.962.102	-	5.388.432.241
Giá trị còn lại	114.285.104.835	-	3.275.770.850	111.009.333.985
Nhà chung cư T1, T2, T3 và T4	109.232.962.618	-	2.836.241.804	106.396.720.814
Chung cư 5 tầng số 1	2.730.700.049	-	237.566.944	2.493.133.105
Chung cư 5 tầng số 2	2.321.442.168	-	201.962.102	2.119.480.066

(i) Bất động sản đầu tư của IDICO - URBIZ tại ngày 30/6/2022 gồm Chung cư T1, T2, T3 và T4 - Công trình Khu nhà ở Công nhân tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, được IDICO - URBIZ sử dụng để cho công nhân và cán bộ nhân viên trong khu công nghiệp thuê.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ với số tiền lần lượt là 6.621.119.152 VND và 4.598.247.533 VND.

(ii) Bất động sản đầu tư của IDICO - UDICO tại ngày 30/6/2022 gồm Chung cư 5 tầng Hiệp Phước số 01 và Chung cư 5 tầng Hiệp Phước số 02 tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, được IDICO - UDICO sử dụng để cho công nhân và cán bộ nhân viên trong khu công nghiệp thuê.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ với số tiền lần lượt là 1.440.941.028 VND và 1.317.982.343 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2022 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng công ty chưa có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.15 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Khu công nghiệp Hựu Thạnh	3.009.907.230.566	2.704.134.114.945
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	342.464.972.484	532.297.348.996
Khu công nghiệp Quế Võ 2	271.222.650.306	215.091.487.636
Khu công nghiệp Cầu Ngàn	145.436.656.489	132.574.868.713
Cầu Tân Kỳ Tân Quý, thành phố Hồ Chí Minh	153.679.189.168	148.717.804.267
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	134.719.459.613	126.455.229.751
Khu tái định cư khu công nghiệp Hựu Thạnh	36.940.768.890	63.494.495.591
Khu dân cư, nhà ở công nhân khu công nghiệp Hựu Thạnh	567.960.639.847	436.004.989.949
Nhà máy thủy điện Đak Mi 3	130.077.567.122	55.190.428.789
Dự án khu đô thị Bắc Châu Giang Hà Nam	251.878.792.780	27.588.126.748
Các dự án khác	191.393.048.205	165.985.322.519
Tổng	5.235.680.975.470	4.607.534.217.904

5.16 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	74.102.857.577	1.755.605.298
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.377.089.647	1.240.391.987
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	64.725.767.930	515.213.311
b) Dài hạn	458.200.186.898	632.062.734.348
Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ	3.711.112.216	8.034.491.153
Chi phí trả trước tiền thuê đất	379.011.778.715	485.096.281.877
<i>Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 (i)</i>	-	84.824.213.123
<i>Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (ii)</i>	120.777.445.974	139.754.811.831
<i>Khu công nghiệp Kim Hoa (iii)</i>	64.435.182.788	65.666.428.318
<i>Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 (iv)</i>	54.318.959.904	55.370.638.556
<i>Khu công nghiệp Quế Võ 2 (v)</i>	58.499.706.049	58.499.706.049
<i>Khu công nghiệp Hựu Thạnh (vi)</i>	80.980.484.000	80.980.484.000
Chi phí sửa chữa	268.834.097	114.825.802.010
Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ	-	1.510.314.270
Chi phí xúc tiến đầu tư khu công nghiệp	2.646.857.332	3.529.143.110
Chi phí khắc phục sự cố Nhà máy thủy điện Đak Mi 3	62.434.243.438	-
Chi phí trả trước khác	10.127.361.100	19.066.701.928
Tổng	532.303.044.475	633.818.339.646

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.16 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (Tiếp theo)

(i) Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 (tỉnh Đồng Nai) đã được phân bổ toàn bộ vào kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ phù hợp với doanh thu một lần trong kỳ.

(ii) Chi phí trả trước tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) sẽ được phân bổ từ năm 2034-2055; là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần đối với diện tích đất đã cho thuê lại, thu tiền một lần theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2016. Tại ngày 30/6/2022, Tổng công ty đang trong giai đoạn đầu tư và được miễn tiền thuê đất nên Tổng công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

(iii) Chi phí trả trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Kim Hoa (tỉnh Vĩnh Phúc) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ từ năm 2003-2053. Tại ngày 30/6/2022, IDICO - URBIZ đang tiếp tục phân bổ theo thời hạn thuê đất của Khu công nghiệp này.

(iv) Chi phí trả trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 (tỉnh Đồng Nai) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ từ năm 1998-2048. Tại ngày 30/6/2022, IDICO - URBIZ đang tiếp tục phân bổ theo thời hạn thuê đất của Khu công nghiệp này.

(v) Chi phí trả trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Quê Võ 2 (tỉnh Bắc Ninh) là giá trị tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng sẽ được trừ vào tiền thuê đất phải nộp theo biên bản làm việc ngày 29/10/2014 của IDICO - QUEVO với Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh về việc xác định các khoản được trừ về tiền bồi thường giải phóng mặt bằng vào số tiền thuê đất phải nộp. Tại ngày 30/6/2022, IDICO - QUEVO đang trong giai đoạn được miễn tiền thuê đất nên Công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

(vi) Chi phí trả trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh (tỉnh Long An) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ từ ngày 08/8/2034 đến ngày 06/8/2069. Tại ngày 30/6/2022, Tổng công ty đang trong giai đoạn đầu tư và được miễn tiền thuê đất nên Tổng công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

5.17 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do trích dự phòng chi phí duy tu sửa chữa dự án BOT An Suong - An Lạc	9.695.672.038	9.695.672.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.18 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Lợi thế thương mại đầu tư dài hạn vào IDICO - SHP	54.392.835.500	54.392.835.500
Lợi thế thương mại đầu tư dài hạn vào IDICO - IDI	57.655.374.376	57.655.374.376
Lợi thế thương mại đầu tư dài hạn vào IDICO - TCC	2.084.567.319	2.084.567.319
Tổng	114.132.777.195	114.132.777.195
Đã phân bổ vào chi phí các năm trước	109.187.022.719	103.004.571.817
Đã phân bổ vào chi phí trong kỳ	3.091.225.451	6.182.450.902
Lợi thế thương mại còn phân bổ	1.854.529.025	4.945.754.476

5.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2022
Phải nộp	104.939.172.672	758.791.364.652	414.224.600.867	449.505.936.457
Thuế GTGT	18.325.173.369	68.292.081.077	60.164.114.357	26.453.140.089
Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.905.649.014	436.889.101.287	96.463.925.927	405.330.824.374
Thuế thu nhập cá nhân	3.256.379.414	11.748.643.220	14.487.517.999	517.504.635
Thuế tài nguyên	4.553.105.492	235.996.472.991	236.345.061.400	4.204.517.083
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.988.434.541	2.110.859.096	1.617.551.186	2.481.742.451
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	11.910.430.842	3.754.206.981	5.146.429.998	10.518.207.825
Phải thu	47.731.506	-	771.849.791	819.581.297
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	3.376.437	-	635.489.995	638.866.432
Các khoản khác phải thu nhà nước	44.355.069	-	136.359.796	180.714.865

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.22 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn	43.332.232.360	33.642.666.828
Chi phí lãi vay dự trả	14.976.417.898	12.883.904.711
- Nhà máy thủy điện Đak Mi 3	10.199.763.133	5.926.797.511
- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	634.823.292	733.190.292
- Khu công nghiệp Hữu Thạnh	793.182.412	-
- Các Hợp đồng vay ngắn hạn	3.348.649.061	6.223.916.908
Nhà máy xử lý nước thải KCN Nhơn Trạch 5	7.621.862.685	-
Thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng	-	455.075.720
Nhà máy xử lý nước thải Phú Mỹ 2	748.387.558	748.387.558
Dự án KCN Mỹ Xuân A	9.783.704.410	9.667.772.701
Nhà máy xử lý nước thải KCN Mỹ Xuân A	767.200.000	1.005.581.484
Chi phí phải trả khác	9.434.659.809	8.881.944.654
b) Dài hạn	-	213.372.272
Chi phí phải trả dài hạn khác	-	213.372.272
Tổng	43.332.232.360	33.856.039.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.23 PHẢI TRẢ KHÁC

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	174.335.724.204	246.768.425.868
Tài sản thừa chờ giải quyết	142.537.332	142.537.332
Kinh phí công đoàn	1.249.632.031	1.562.513.580
Bảo hiểm xã hội	309.069.725	302.183.845
Bảo hiểm y tế	75.113.781	41.658.966
Bảo hiểm thất nghiệp	15.358.184	10.546.777
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	76.149.285.662	127.439.625.405
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.374.091.179	15.158.601.794
Các khoản phải trả, phải nộp khác (i)	86.020.636.310	102.110.758.169
b) Dài hạn	84.476.360.698	84.895.453.749
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.327.700.000	3.627.700.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	81.148.660.698	81.267.753.749
Tổng	258.812.084.902	331.663.879.617
(i) Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Đền bù các hộ dân quận 7 và Nhà Bè	2.007.375.652	2.007.375.652
Công ty cổ phần BOT Quốc lộ 2	20.171.952.000	20.171.952.000
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự án phường 6, mở rộng	4.107.703.658	4.098.510.805
Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh (ii)	45.103.258.837	45.103.258.837
Phải trả ngắn hạn khác	14.630.346.163	30.729.660.875
Tổng	86.020.636.310	102.110.758.169

(ii) Hoàn trả theo Thỏa thuận ngày 22/8/2019 giữa Tổng công ty IDICO và Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh (Đại Quang Minh) về việc hoàn trả các chi phí liên quan đến khu đất khoảng 26,4ha nằm về phía Bắc Quốc lộ 10 thuộc Dự án Khu công nghiệp Cầu Nghìn.

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCF

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.24 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/6/2022 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	492.306.468.781	492.306.468.781	750.890.720.777	1.706.316.625.617	1.447.732.373.621	1.447.732.373.621
a1. Vay ngắn hạn (i)	218.673.434.730	218.673.434.730	566.971.492.366	1.517.696.625.617	1.169.398.567.981	1.169.398.567.981
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.Hồ Chí Minh	-	-	-	228.836.182.429	228.836.182.429	228.836.182.429
Ngân hàng Trung Quốc - Chi nhánh TP.HCM	15.477.620.000	15.477.620.000	15.477.620.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đồng Nai	34.000.000.000	34.000.000.000	47.000.000.000	37.753.497.327	24.753.497.327	24.753.497.327
Ngân hàng OCB- Chi nhánh TP.HCM	-	-	340.000.000.000	1.090.000.000.000	750.000.000.000	750.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	14.980.829.881	14.980.829.881	28.946.508.150	25.994.035.253	12.028.356.984	12.028.356.984
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước	518.709.994	518.709.994	518.709.994	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Phước	4.421.355.034	4.421.355.034	4.421.355.034	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Phước	8.322.088.257	8.322.088.257	25.864.942.316	42.359.942.607	24.817.088.548	24.817.088.548
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Long An	35.649.004.014	35.649.004.014	17.608.707.711	40.548.542.642	58.588.838.945	58.588.838.945
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế	59.503.827.550	59.503.827.550	10.000.550.000	-	49.503.277.550	49.503.277.550
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa - Vũng Tàu	5.800.000.000	5.800.000.000	37.133.099.161	43.341.348.189	12.008.249.028	12.008.249.028
Ngân hàng Shinhan Bank Việt Nam - CN TP.Hồ Chí Minh	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	8.863.077.170	8.863.077.170	8.863.077.170

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.24 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	30/6/2022 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a2. Nợ dài hạn đến hạn trả	273.633.034.051	273.633.034.051	183.919.228.411	188.620.000.000	278.333.805.640	278.333.805.640
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	64.396.000.000	64.396.000.000	32.198.000.000	32.198.000.000	64.396.000.000	64.396.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Quảng Nam	80.000.000.000	80.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	57.904.000.000	57.904.000.000	28.952.000.000	83.425.000.000	112.377.000.000	112.377.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đồng Nai	15.083.034.051	15.083.034.051	10.894.228.411	8.622.000.000	12.810.805.640	12.810.805.640
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Long An	6.250.000.000	6.250.000.000	1.875.000.000	4.375.000.000	8.750.000.000	8.750.000.000

(i) Vay ngắn hạn của Tổng công ty phản ánh các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, bằng đồng Việt Nam cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Tổng công ty đã sử dụng các tài sản cố định hữu hình, vô hình và các hợp đồng tiền gửi để thế chấp cho khoản vay này. Trong kỳ, các khoản vay này chịu lãi suất trong khoảng từ 5,8%/năm đến 8,0%/năm tùy theo quy định của các ngân hàng thương mại tại nơi hoạt động của Tổng công ty và mỗi công ty con. Các khoản vay này có thời hạn vay từ 03 tháng đến 12 tháng được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.24 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	30/6/2022 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.450.782.219.983	2.450.782.219.983	1.291.898.495.573	925.765.843.184	2.084.649.567.594	2.084.649.567.594
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.Hồ Chí Minh	32.197.000.000	32.197.000.000	32.197.000.000	768.639.614.773	768.639.614.773	768.639.614.773
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Quảng Nam	480.246.251.115	480.246.251.115	-	60.000.000.000	540.246.251.115	540.246.251.115
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành	1.017.067.267.162	1.017.067.267.162	1.081.901.495.573	65.894.228.411	1.060.000.000	1.060.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam -Chi nhánh Đồng Nai	735.034.201.706	735.034.201.706	-	28.952.000.000	763.986.201.706	763.986.201.706
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Long An	8.437.500.000	8.437.500.000	-	1.875.000.000	10.312.500.000	10.312.500.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đồng Nai	-	-	-	405.000.000	405.000.000	405.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	177.800.000.000	177.800.000.000	177.800.000.000	-	-	-
c) Phát hành trái phiếu doanh nghiệp (ii)	400.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng BUSAN - Chi nhánh TP.HCM	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng DAEGU - Chi nhánh TP.HCM	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng KEB HANA - Chi nhánh TP.HCM	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-
Tổng	3.343.088.688.764	3.343.088.688.764	2.442.789.216.350	2.632.082.468.801	3.532.381.941.215	3.532.381.941.215

(ii) Tổng công ty phát hành trái phiếu tại các Ngân hàng trên như sau: Trái phiếu ghi danh; mệnh giá là 1.000.000.000 VND; khối lượng 400; lãi suất cố định 8%/năm; kỳ hạn 3 năm; trả lãi cuối kỳ, định kỳ 6 tháng một lần; mục đích đầu tư bổ sung dự án Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.24 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

Thời hạn	Kỳ này (VND) Trả nợ gốc	Kỳ trước (VND) Trả nợ gốc
Trong vòng 1 năm	492.306.468.781	1.447.732.373.621
Trong năm thứ hai	694.505.383.000	694.505.383.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.156.276.836.983	1.390.144.184.594

Phân loại các khoản vay dài hạn

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Số dư vay bằng VND	3.343.088.688.764	3.532.381.941.215
Tín chấp	218.673.434.730	1.169.398.567.981
Bảo đảm bằng tài sản của TCT	3.124.415.254.034	2.362.983.373.234
Vay theo lãi suất thả nổi	3.343.088.688.764	3.532.381.941.215

Lãi suất vay thả nổi từ 6,8%/năm đến 9,0%/năm.

5.25 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn	204.992.042.945	204.305.841.413
Doanh thu nhận trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp:	204.988.658.517	204.292.534.598
- Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	9.371.422.055	46.729.375.900
- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	71.144.912.232	50.011.162.644
- Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	14.627.802.124	28.180.515.232
- Khu công nghiệp Quế Võ 2	11.198.256.627	27.217.238.065
- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	28.003.407.058	37.298.058.980
- Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1	39.373.366.054	8.287.249.714
- Khu công nghiệp Kim Hoa	4.590.487.679	4.041.091.207
- Khu công nghiệp Cầu Nghìn	792.792.028	679.979.528
- Khu công nghiệp Hựu Thạnh	1.458.382.617	1.831.830.117
- Khu công nghiệp Mỹ Xuân A	24.427.830.043	16.033.211
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	3.384.428	13.306.815

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.25 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN (Tiếp theo)

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
b) Dài hạn	4.523.147.330.279	6.048.082.495.026
Doanh thu nhận trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp:	4.522.923.551.308	6.047.854.831.945
- Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	-	1.395.147.495.532
- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	1.415.276.663.691	1.506.220.836.895
- Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	1.102.084.072.512	1.061.356.532.559
- Khu công nghiệp Quế Võ 2	1.054.609.387.486	900.891.617.020
- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	465.461.564.046	822.228.326.824
- Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1	203.137.335.265	207.295.583.376
- Khu công nghiệp Kim Hoa	102.037.552.965	104.058.098.564
- Khu công nghiệp Cầu Nghìn	26.492.188.704	26.832.178.468
- Khu công nghiệp Hựu Thạnh	153.824.786.639	23.824.162.707
Doanh thu nhận trước dài hạn khác	223.778.971	227.663.081
Tổng	4.728.139.373.224	6.252.388.336.439

5.26 THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Điều chỉnh dự phòng đầu tư tài chính khi hợp nhất IDICO	127.695.821.922	127.431.394.957
Điều chỉnh dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn và dài hạn khi hợp nhất IDICO	30.373.375.039	33.373.375.039
Tổng	158.069.196.961	160.804.769.996
Thuế suất	20%	20%
Tổng	31.613.839.392	32.160.953.999

5.27 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.778.922.726	1.778.922.726
Chi phí sửa chữa vừa và lớn các dự án ngắn hạn theo dự toán	1.778.922.726	1.778.922.726
b) Dài hạn	226.134.518.047	192.792.694.682
Chi phí sửa chữa vừa và lớn dự án BOT	226.134.518.047	192.134.518.047
An Sương - An Lạc		
Các khoản khác	-	658.176.635
Tổng	227.913.440.773	194.571.617.408

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.28 VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (iii)	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2021	3.000.000.000.000	41.896.673.847	18.048.559.983	(25.500)	(59.296.653.028)	200.864.674.594	976.536.869.545	779.902.353.555	4.957.952.452.996
Tăng trong năm	-	-	10.199.959.200	-	16.936.070.477	6.387.061.105	485.971.655.300	448.519.170.501	968.013.916.583
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	454.308.070.139	123.719.209.701	578.027.279.840
Tăng do tăng vốn điều lệ của IDICO -CONAC	-	-	10.199.959.200	-	-	-	-	-	10.199.959.200
Lợi ích không kiểm soát của IDICO - ITC	-	-	-	-	-	-	-	315.000.000.000	315.000.000.000
Chuyển quỹ đầu tư phát triển và tăng vốn điều lệ bằng lợi nhuận sau thuế của công ty con	-	-	-	-	-	-	31.663.585.161	9.799.960.800	41.463.545.961
Do thay đổi tỉ lệ sở hữu	-	-	-	-	16.936.070.477	6.387.061.105	-	-	23.323.131.582
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	(21.463.625.961)	(776.414.004.719)	(100.052.203.995)	(897.929.834.675)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(720.000.000.000)	(72.032.779.610)	(792.032.779.610)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(9.238.980.453)	(2.992.902.858)	(12.231.883.311)
Trích thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	-	(3.503.580.000)	(1.204.420.000)	(4.708.000.000)
Điều chỉnh giảm quỹ đầu tư phát triển của IDICO-SHP	-	-	-	-	-	(21.463.625.961)	-	(20.621.915.139)	(42.085.541.100)
Do điều chỉnh hợp nhất	-	-	-	-	-	-	(43.671.444.266)	(3.200.186.388)	(46.871.630.654)
Số dư ngày tại 31/12/2021	3.000.000.000.000	41.896.673.847	28.248.519.183	(25.500)	(42.360.582.551)	185.788.109.738	686.094.520.126	1.128.369.320.061	5.028.036.534.904

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.28 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (iii)	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2022	3.000.000.000.000	41.896.673.847	28.248.519.183	(25.500)	(42.360.582.551)	185.788.109.738	686.094.520.126	1.128.369.320.061	5.028.036.534.904
Tăng trong kỳ	299.999.290.000	147.900	15.620.799	25.500	-	-	1.685.165.505.745	71.265.915.018	2.056.446.504.962
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	1.681.776.781.037	69.215.450.176	1.750.992.231.213
Do chuyển quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	1.156.426.710	486.224.867	1.642.651.577
Do chuyển vốn chủ sở hữu khác về lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	2.232.297.998	1.564.239.975	3.796.537.973
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (ii)	299.999.290.000	-	-	-	-	-	-	-	299.999.290.000
Do điều chỉnh hợp nhất	-	147.900	15.620.799	25.500	-	-	-	-	15.794.199
Giảm trong kỳ	-	-	(2.232.297.998)	-	-	(1.156.426.710)	(497.245.947.128)	(23.560.625.465)	(524.195.297.301)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (ii)	-	-	-	-	-	-	(299.999.290.000)	-	(299.999.290.000)
Chia cổ tức bằng tiền (i)	-	-	-	-	-	-	(180.000.000.000)	(14.209.998.040)	(194.209.998.040)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	-	(7.735.304.926)	(2.589.841.230)	(10.325.146.156)
Trích thưởng Ban điều hành (i)	-	-	-	-	-	-	(3.227.254.527)	(1.179.126.898)	(4.406.381.425)
Do chuyển vốn chủ sở hữu khác về lợi nhuận sau thuế	-	-	(2.232.297.998)	-	-	-	-	(1.564.239.975)	(3.796.537.973)
Do chuyển quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	(1.156.426.710)	-	(486.224.867)	(1.642.651.577)
Do điều chỉnh hợp nhất	-	-	-	-	-	-	(6.284.097.675)	(3.531.194.455)	(9.815.292.130)
Số dư tại ngày 30/6/2022	3.299.999.290.000	41.896.821.747	26.031.841.984	-	(42.360.582.551)	184.631.683.028	1.874.014.078.743	1.176.074.609.614	6.560.287.742.565

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.28 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(i) Phân phối lợi nhuận trong kỳ của Tổng công ty và các công ty căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

(ii) IDICO thực hiện tăng vốn điều lệ trong kỳ theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2022 ngày 19/4/2022 như sau: Chia cổ tức bằng cổ phiếu: 299.999.290.000 đồng (tương đương 10%/cổ phiếu). Đã hoàn tất theo Thông báo số 38/TB-TCT ngày 14/6/2022 của Hội đồng quản trị về việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 10%.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đối tượng	Tại ngày 30/6/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Công ty cổ phần Tập đoàn SSG	22,50%	74.250.000	742.500.000.000	22,50%	67.500.000	675.000.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Bách Việt	11,93%	39.361.300	393.613.000.000	11,93%	35.783.000	357.830.000.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	65,57%	216.388.629	2.163.886.290.000	65,57%	196.717.000	1.967.170.000.000
Tổng	100%	329.999.929	3.299.999.290.000	100%	370.000.000	3.000.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	299.999.290.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 6	3.299.999.290.000	3.000.000.000.000
Tạm ứng cổ tức thuộc LNST năm 2021	-	720.000.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu thuộc LNST năm 2021	180.000.000.000	-
Chia cổ tức thuộc LNST năm 2021	299.999.290.000	-

d. Cổ phiếu

	30/6/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	329.999.929	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	329.999.929	300.000.000
Cổ phiếu phổ thông	329.999.929	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	329.999.929	300.000.000
Cổ phiếu phổ thông	329.999.929	300.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.29 LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Vốn điều lệ của các công ty con	2.569.991.920.000	2.534.991.920.000
Trong đó:		
Vốn phân bổ cho công ty mẹ	1.756.436.029.200	1.718.446.029.200
Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	813.555.890.800	816.545.890.800
Chi tiết như sau:		
Vốn của cổ đông không kiểm soát	813.555.890.800	816.545.890.800
Thặng dư vốn cổ phần	12.421.564.900	12.421.422.800
Vốn khác của chủ sở hữu	511.024.636	2.090.885.410
Cổ phiếu quỹ	-	(24.500)
Lợi nhuận sau thuế lũy kế	201.999.137.780	149.237.929.186
Quỹ đầu tư phát triển	147.586.991.498	148.073.216.365
Tổng	1.176.074.609.614	1.128.369.320.061

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.981.378.550.040	2.319.087.366.482
Doanh thu kinh doanh điện	1.419.262.808.343	1.411.299.600.632
Doanh thu hoạt động xây dựng	47.241.246.874	77.634.108.656
Doanh thu thu phí đường bộ	204.720.788.989	192.780.259.066
Doanh thu kinh doanh bất động sản	51.326.408.485	84.000.867.213
Doanh thu hạ tầng Khu công nghiệp	3.051.943.030.791	361.286.751.643
Doanh thu sản phẩm và dịch vụ khác	206.884.266.558	192.085.779.272
Các khoản giảm trừ doanh thu	84.601.832	9.667.734.445
Giảm giá hàng bán	84.601.832	198.736.445
Hàng bán bị trả lại	-	9.468.998.000
Doanh thu thuần	4.981.293.948.208	2.309.419.632.037
<i>Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>	-	6.370.383.694

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Giá vốn kinh doanh điện	1.337.871.480.898	1.372.923.289.246
Giá vốn hoạt động xây dựng	42.091.630.013	71.150.716.124
Giá vốn thu phí đường bộ	108.260.244.786	88.296.043.654
Giá vốn kinh doanh bất động sản	17.580.231.492	54.609.360.823
Giá vốn hạ tầng Khu công nghiệp	1.045.479.138.161	206.203.630.643
Giá vốn sản phẩm và dịch vụ khác	152.668.333.921	159.415.808.168
Giá vốn hàng bán trả lại	-	(9.468.998.000)
Tổng	2.703.951.059.271	1.943.129.850.658

6.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	65.211.277.203	34.816.602.743
Lãi bán các khoản đầu tư	7.476.755.201	260.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.318.500.000	2.670.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	178.378.490	-
Tổng	74.184.910.894	297.486.602.743

6.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí lãi vay	71.694.060.967	87.756.037.305
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	12.545.903
Chi phí tài chính khác	544.779.010	14.790.001
Tổng	72.238.839.977	87.783.373.209

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6.5 PHÂN LÃI TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
BVEC	14.977.592.819	(3.538.189.362)
LAMA IDICO	(629.435.487)	(2.431.488.744)
PFG	-	8.969.066.066
Tổng	14.348.157.332	2.999.387.960

6.6 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí nhân viên	16.724.481.281	16.803.702.829
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	6.167.859.911	6.579.322.801
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.377.848.147	1.794.100.049
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.264.624.388	1.675.108.390
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.099.637.860	5.937.960.329
Chi phí bằng tiền khác	2.337.071.804	1.870.993.988
Chi phí chiết khấu, hoa hồng, môi giới, khuyến mãi	6.589.593	4.829.793.189
Tổng	33.978.112.984	39.490.981.575

6.7 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	56.557.082.062	48.963.008.119
Chi phí vật liệu quản lý	2.223.539.194	1.643.447.214
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.161.225.646	967.278.924
Chi phí khấu hao TSCĐ và chi phí phân bổ	6.460.619.916	6.704.542.290
Thuế phí và lệ phí	2.092.262.498	1.806.816.924
Chi phí dự phòng	(1.981.131.060)	237.610.340
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.727.499.224	6.091.664.637
Chi phí bằng tiền khác	17.902.052.949	22.527.016.271
Phân bổ lợi thế thương mại	3.091.225.451	3.091.225.451
Tổng	93.234.375.880	92.032.610.170

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6.8 LỢI NHUẬN KHÁC

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.345.592.468	54.545.455
Lãi phạt chậm thanh toán	1.770.912.864	722.980.380
Thu tiền bảo hiểm được bồi thường	14.343.521.844	-
Các khoản khác	3.852.966.283	1.683.976.475
Tổng	23.312.993.459	2.461.502.310
Chi phí khác		
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	-	13.422.581
Lãi chậm nộp	-	171.633.514
Các khoản khác	2.403.403.888	5.913.978.426
Tổng	2.403.403.888	6.099.034.521
Lợi nhuận khác	20.909.589.571	(3.637.532.211)

6.9 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
IDICO - SHP	9.614.939.708	5.123.789.138
IDICO - UDICO	7.649.732.528	9.751.400.388
IDICO - URBIZ	5.433.221.222	8.784.088.434
IDICO - CONAC	5.899.270.046	4.943.523.161
IDICO - IDI	6.887.381.740	7.246.723.134
IDICO - INCON	356.876.078	329.766.094
IDICO - ISC	2.401.825.603	684.551.874
IDICO - QUE VO	2.944.649.454	-
IDICO - LINCO	4.464.666.175	2.459.861.601
IDICO	391.236.538.733	61.659.003.284
Chi phí thuế TNDN hiện hành	436.889.101.287	100.982.707.108

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6.10 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông công ty mẹ	1.681.776.781.037	285.159.016.047
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(5.481.279.727)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.681.776.781.037	279.677.736.321
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	300.164.383	300.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.603	932

(i) Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu Tổng công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Trình bày lại Chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021:

Số lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021 và việc Tổng công ty trình bày lại, phân loại lại số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021, cụ thể như sau:

	Số đã Báo cáo (VND)	Số trình bày lại (VND)	Chênh lệch (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông công ty mẹ	285.159.016.047	285.159.016.047	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(5.481.279.727)	(5.481.279.727)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	285.159.016.047	279.677.736.321	(5.481.279.727)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	300.000.000	300.000.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	951	932	(19)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6.12 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	184.801.626.757	283.380.190.977
Chi phí nhân công	200.534.384.033	132.877.143.631
Chi phí khấu hao TSCĐ và chi phí phân bổ	700.492.518.171	207.603.176.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.448.660.742.469	1.454.514.464.483
Chi phí khác bằng tiền	323.524.458.543	85.563.921.155
Tổng	2.858.013.729.973	2.163.938.897.166

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin các bên liên quan****1) Danh sách các bên liên quan:**

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
1	Công ty CP Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	Công ty liên kết	BVEC
2	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Công ty liên kết	LAMA IDICO
3	Ông Lê Bá Thọ	Nguyên Chủ tịch HĐQT	
4	Bà Nguyễn Thị Như Mai	Chủ tịch HĐQT	
5	Ông Đặng Chính Trung	Thành viên HĐQT	
6	Ông Nguyễn Cao Nguyên	Thành viên HĐQT	
7	Ông Tôn Thất Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	
8	Ông Nguyễn Duy	Thành viên HĐQT	
9	Ông Hoàng Văn Hiến	Trưởng BKS	
10	Ông Đào Hữu Thắng	Thành viên BKS	
11	Bà Trần Thanh Linh	Nguyên Thành viên BKS	
12	Ông Võ Tấn Dũng	Thành viên BKS	
13	Ông Đặng Chính Trung	Tổng giám đốc	
14	Ông Nguyễn Hồng Hải	Phó Tổng giám đốc	
15	Ông Phan Văn Chung	Nguyên Phó Tổng giám đốc	
16	Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng giám đốc	
17	Ông Phan Văn Chính	Phó Tổng giám đốc	
18	Bà Trần Thị Ngọc	Kế toán trưởng	
19	Và các thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân là bên liên quan nêu trên		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7.1 Thông tin các bên liên quan (Tiếp theo)**2) Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác****a. Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
		VND	VND
Ông Ninh Mạnh Hồng	Nguyên Chủ tịch HĐQT	-	294.000.000
Ông Lê Bá Thọ	Nguyên Chủ tịch HĐQT	655.766.000	316.000.000
Bà Nguyễn Thị Như Mai	Chủ tịch HĐQT	173.858.000	-
Ông Đặng Chính Trung	Thành viên HĐQT	93.888.111	60.000.000
Ông Nguyễn Cao Nguyên	Thành viên HĐQT	649.240.000	215.000.000
Ông Vũ Quang Bảo	Nguyên thành viên HĐQT	-	165.556.000
Ông Trịnh Hùng Lâm	Nguyên thành viên HĐQT	-	216.000.000
Ông Tôn Thất Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	144.278.111	40.000.000
Ông Nguyễn Duy	Thành viên HĐQT	138.778.111	-
Tổng		1.855.808.333	1.306.556.000

b. Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
		VND	VND
Ông Nguyễn Cao Nguyên	Nguyên trưởng BKS	-	168.000.000
Ông Hoàng Văn Hiến	Trưởng BKS	537.534.000	390.000.000
Bà Lê Ánh Thu	Nguyên thành viên BKS	-	29.400.000
Ông Đào Hữu Thắng	Thành viên BKS	86.446.000	28.000.000
Bà Trần Thanh Linh	Nguyên thành viên BKS	59.890.000	28.000.000
Ông Võ Tấn Dũng	Thành viên BKS	142.000.000	-
Tổng		825.870.000	643.400.000

c. Lương và các lợi ích khác của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
		VND	VND
Ông Nguyễn Văn Đạt	Nguyên Tổng giám đốc	-	165.184.783
Ông Đặng Chính Trung	Tổng giám đốc	1.308.276.000	686.000.000
Ông Nguyễn Hồng Hải	Phó Tổng giám đốc	936.123.000	614.000.000
Ông Phan Văn Chung	Nguyên Phó Tổng giám đốc	510.659.000	547.000.000
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng giám đốc	893.123.000	528.000.000
Ông Phan Văn Chính	Phó Tổng giám đốc	855.227.000	50.000.000
Bà Trần Thị Ngọc	Kế toán trưởng	745.571.000	360.000.000
Tổng		5.248.979.000	2.950.184.783

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7.1 Thông tin các bên liên quan (Tiếp theo)**3) Trong kỳ, Tổng công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
		VND	VND
Bán hàng		-	6.370.383.694
PFG	Dịch vụ	-	4.030.240.309
	Xây lắp	-	1.234.052.333
LAMA IDICO	Cung cấp nước	-	595.653.883
	Cung cấp điện	-	510.437.169
Mua hàng		-	4.672.524.500
LAMA IDICO	Khối lượng xây lắp	-	4.672.524.500

4) Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Bên liên quan	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu khách hàng	-	150.793.125
PFG	-	150.793.125
Phải thu khác ngắn hạn	1.463.684.880	1.463.684.880
SONG HONG 1, JSC	1.463.684.880	1.463.684.880
Phải trả người bán ngắn hạn	962.760.776	7.832.004.960
LAMA IDICO	962.760.776	7.832.004.960

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7.2 Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng Tổng công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh dịch vụ khu công nghiệp, kinh doanh điện năng, thu phí đường bộ, xây lắp, bất động sản và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh vật tư, thiết kế, chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Tổng công ty. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận được lập cho mục đích quản trị doanh nghiệp. Tổng công ty không theo dõi hợp nhất tài sản, nợ phải trả bộ phận. Tổng công ty theo dõi doanh thu, chi phí và kết quả của từng bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 như sau:

a) Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022*Đơn vị tính: VND*

	Hoạt động kinh doanh điện	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh KCN	Hoạt động thu phí đường bộ	Các hoạt động còn lại	Tổng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.419.262.808.343	47.241.246.874	3.051.943.030.791	204.720.788.989	258.126.073.211	4.981.293.948.208
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	1.337.871.480.898	42.091.630.013	1.045.479.138.161	108.260.244.786	170.248.565.413	2.703.951.059.271
Doanh thu hoạt động tài chính						74.184.910.894
Chi phí tài chính						72.238.839.977
Phần lãi trong liên doanh, liên kết						14.348.157.332
Chi phí bán hàng						33.978.112.984
Chi phí quản lý doanh nghiệp						93.234.375.880
Thu nhập khác						23.312.993.459
Chi phí khác						2.403.403.888
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế						2.187.334.217.893
Thuế thu nhập doanh nghiệp						436.889.101.287
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(547.114.607)
Lợi nhuận trong kỳ						1.750.992.231.213

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**b) Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021***Đơn vị tính: VND*

	Hoạt động kinh doanh điện	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh KCN	Hoạt động thu phí đường bộ	Các hoạt động còn lại	Tổng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.411.299.600.632	77.634.108.656	361.286.751.643	192.780.259.066	266.418.912.040	2.309.419.632.037
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	1.372.923.289.246	71.150.716.124	206.203.630.643	88.296.043.654	204.556.170.991	1.943.129.850.658
Doanh thu hoạt động tài chính						297.486.602.743
Chi phí tài chính						87.783.373.209
Phân lãi trong liên doanh, liên kết						2.999.387.960
Chi phí bán hàng						39.490.981.575
Chi phí quản lý doanh nghiệp						92.032.610.170
Thu nhập khác						2.461.502.310
Chi phí khác						6.099.034.521
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế						443.831.274.917
Thuế thu nhập doanh nghiệp						100.982.707.108
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						108.152.092
Lợi nhuận trong kỳ						342.740.415.717

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7.3 THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Đức Tiến

Kế toán trưởng



Trần Thị Ngọc

Tổng giám đốc



Đặng Chính Trung

